

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 779/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2017.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhung.
2. Bà Phan Thị Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương.

Ngày 26 tháng 6 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 437/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1990; địa chỉ: đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Amato Ann B, sinh năm 1992; địa chỉ: Dana Point, CA 92629, USA. Địa chỉ hiện tại: Victorville, CA 92392, USA. (vắng mặt).

Có ông Nguyễn Thanh L - Đại diện theo uỷ quyền - trong phạm vi được nhận các thông báo, quyết định, bản án liên quan đến việc giải quyết vụ án (văn bản uỷ quyền ngày 24/3/2017 đã được hợp pháp hoá lãnh sự).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/12/2016 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Ông và bà Amato Ann B tự nguyện đăng ký kết hôn số 83 ngày 22/7/2016 tại Ủy ban nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách, văn hoá. Cuối tháng 7/2016, bà Amato Ann B trở về Hoa Kỳ sinh sống, mỗi người một nơi, khả năng đoàn tụ không thành. Ông xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Về con chung: không có.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông có đơn xin vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Bà Amato Ann B trong bản tự khai được hợp pháp hoá lãnh sự ngày 24/3/2017 trình bày: do vợ chồng mỗi người mỗi nơi nên đôi bên ít có sự quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt, bà đề nghị cho ông bà được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống. Bà xác định con chung và tài sản chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Thanh T ký đơn yêu cầu được ly hôn. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2015 quy định: “Vợ chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn”. Bà Amato Ann B hiện đang cư trú ở nước ngoài. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Xét yêu cầu của nguyên đơn: ông Nguyễn Thanh T và bà Amato Ann B có đăng ký kết hôn. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng do cuộc sống chung không hạnh phúc, sau khi kết hôn vợ chồng đã không chung sống do bà Amato Ann B đã trở lại Hoa Kỳ và vợ chồng không thường xuyên liên lạc. Ông T xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Theo văn bản uỷ quyền ngày 24/3/2017, chữ ký của bà Amato Ann B đã được đã hợp pháp hoá lãnh sự. Nội dung uỷ quyền bà đã uỷ quyền cho ông Nguyễn Thanh Tân được thay mặt bà nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Các văn bản về việc thụ lý vụ án, về thời gian mở phiên họp hoà giải đã được tổng đạt hợp lệ nhưng bà Amato Ann B không có văn bản nào khác với ý kiến tại văn bản ngày 24/3/2017 mà ông T đã cung cấp.

Toà án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 437/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017, thông báo thời gian mở phiên tòa là ngày 26/6/2017. Ông Nguyễn Thanh T và bà Amato Ann B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Xét thấy, ông T đã cung cấp chứng cứ là các văn bản ghi ý kiến của bà Amato Ann B xác định mâu thuẫn vợ chồng không có khả năng hàn gắn, bà Amato Ann B đồng ý ly hôn; bà xác định không có con chung và không yêu cầu giải quyết về nợ chung, tài sản chung. Các văn bản này đã được hợp pháp hoá lãnh sự nên là chứng cứ có giá trị hợp pháp được công nhận theo quy định tại

điểm b khoản 2 Điều 478 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 122, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: ông T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Căn cứ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 122, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 26; điểm 1.1, mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thanh T.

a) Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Thanh T được ly hôn với bà Amato Ann B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 83 do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/7/2016 không còn giá trị pháp lý.

b) Về con chung: không có.

c) Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền ông T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0031981 ngày 06/02/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Thanh T đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Ông Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, Bà Amato Ann B được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND quận Tân Phú (ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT (T/15).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Diệp